

Số: 562/2021/QĐST- HNGĐ

*H, ngày 16 tháng 11 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 675/2021/TLST- HNGĐ ngày 02/11/2021. Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

**- Anh Phạm Trung Thành**, sinh năm 1983;

HKTT: 205 B4A phường T, quận H, H;

Chỗ ở: Phòng 109 Nhà C Khu tập thể Bản đồ ngõ 106 Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, H.

**- Chị Nguyễn Thị Huyền Trang**, sinh năm 1986;

HKTT và chỗ ở: 205 B4A phường T, quận H, H;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Phạm Trung Thành và chị Nguyễn Thị Huyền Trang trình bày:

[1]. Quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Trung Thành và chị Nguyễn Thị Huyền Trang tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận H, H vào ngày 30/6/2009. Quá trình chung sống anh Thành, chị T có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không có sự quan tâm, chia sẻ mọi vấn đề trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Nay, anh Thành, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh Thành, chị T xác nhận có 02 con chung là: Phạm Gia Linh, sinh ngày 21/10/2009; Phạm Ngọc Diệp, sinh ngày 21/10/2011. Anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung: Phạm Gia Linh và Phạm Ngọc Diệp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tvà chị Trang thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tđược quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Anh Tvà chị T xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn anh chị không có thai chung.

[3]. Về tài sản chung ( động sản và bất động sản ): Anh Tvà chị T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Anh Tvà chị T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn. Anh Tđồng ý để chị T chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Ngoài ra anh Tvà chị T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/11//2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thảo thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

\* **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Phạm Trung Tvà chị Nguyễn Thị Huyền T cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

\* **Về con chung:** Anh Thành, chị T xác nhận có 02 con chung là: Phạm Gia L, sinh ngày 21/10/2009; Phạm Ngọc D, sinh ngày 21/10/2011.

Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung: Phạm Gia L, Phạm Ngọc D kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật ( ngày 16/11/2021) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tvà chị Trang thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Anh Tcó quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Anh Thành, chị T xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn anh chị không có thai chung.

\* **Về tài sản chung** ( động sản và bất động sản ): Anh Thành, chị T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

\* **Về nợ chung:** Anh Thành, chị T xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Anh Tphải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Chị T phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trang chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền chị

Trang đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0049518 ngày 02/11/2021 tại Chi cục Thi hành án quận H, thành phố H.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận H;
- UBND phường T
- Quận H, H;
- ( Số 117, quyển số 01.2009
- ngày 30.6.2009)
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đình T**

